



XUÂN VŨ

BỮA TIỆC THỊT CHÓ  
DƯỚI VÒM TRỜI CÀN VƯƠNG

阮阮

*tủ sách nguyên*

THU  
USA 714 828 9222

XUÂN VŨ

**BỮA TIỆC THỊT CHÓ**  
**DƯỚI VÒM TRỜI CẦN VƯƠNG**

*Tiểu thuyết dã sử*

字阮

*tủ sách nguyên*

1998

XUÂN THU

## BỮA TIỆC THỊT CHÓ DƯỚI VÒM TRỜI CẦN VƯƠNG

Tiểu thuyết dã sử của XUÂN VŨ

XUÂN THU ấn hành lần thứ nhất tại Hoa Kỳ

tháng giêng một chín chín tám

Tác giả và nhà xuất bản giữ bản quyền ©

Copyright © 1998. All Rights Reserved.

Printed in United States of America

ISBN: 1-56295-109-2

## NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 USA

TEL: (714) 828-9222 & FAX: (714) 828-0200

## *Thập Hương Vọng Bái Tiên Nhân*

(Thay lời tựa)

**T**húng ta đang sống trong thời đại đầy máu lệ. Nhưng giờ lại trang sử nước nhà cách đây một trăm năm, chúng ta thấy các bậc tiền nhân của ta lại sống trong một thời đại gian truân đau đớn hơn chúng ta nhiều. Đó là những năm tháng gót sắt, xâm lược của bọn da trắng Tây Dương tàn bạo đặt lên đất nước yêu quý của chúng ta, những năm bắt đầu những trang vong quốc sử.

Nhưng đó cũng là khởi điểm của những cuộc chiến đấu chống xâm lăng với những chiến công làm rực rỡ thêm nét hùng khí của Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa.

Ở Nam Kỳ có Thủ Khoa Huân, Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương... ở Trung Kỳ có Phan Đình Phùng, Nguyễn Duy Hiệu, Mai Xuân Thưởng, Đinh Công Tráng vân vân. ở Bắc Kỳ có Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thiện Thuật, lập thành một mặt trận dài suốt bề dài của đất nước: Không lúc nào ngưng tiếng súng. Nhưng than ôi trận thế yếu mòn những đấng anh hùng cứu giặc đều phải ngậm hờn vong quốc dưới tuổi vàng.

Hai bên thiên hạ thấy hay không?  
Một gánh cang thường há phải gông  
Oằn oại hai vai quân tử trút  
Long lay một cỗ trượng phu tòng

Tiếng ngâm thơ của vị thủ khoa với nụ cười bước lên máy chém hay còn vang vang trong hồn lịch sử và sẽ còn vang mãi muôn đời.

Năm 1989 tôi bỗng có một dự định khá táo bạo: Viết một bộ phim dài lấy tên là “VIỆT NAM: LƯƠNG TÂM CỦA THẾ KỶ XX”, bắt đầu từ giai đoạn Cần Vương dài dài về sau. Vì chưa thực hiện được, nên nó vẫn đeo đẳng trong lòng, không tan, như một viên đạn nằm trong thịt chưa nổ lấy ra được.

Hồi nhỏ, lúc tôi còn là học trò trường quận, tôi có lần lục tủ sách của tía tôi và bất ngờ gặp hai quyển tiểu thuyết lạ lùng là “Tả Quân Lê Văn Duyệt” của Ngô Tất Tố, và “Phan Đình Phùng” của Đào Trinh Nhất. Không hiểu tại sao tôi đọc hết ngay. Tuổi trẻ thời đó học lịch sử nước Pháp nhiều hơn lịch sử nước nhà. Do đó hai quyển sách này đã cho tôi hiểu lịch sử nước ta. Khác những bài học ở nhà trường.

Rồi băng đi một thời gian, đến cuộc kháng chiến chống Pháp, tôi bỏ trường đi theo. Rồi viết văn. Tôi thấy hai quyển sách kể trên thấm thía vô cùng. Hình ảnh đức tả quân Lê Văn Duyệt đứng trên mũi chiến thuyền hét quân lướt sóng tiến lên giết giặc, vẫn còn sừng sững trong lòng tôi, từ trẻ đến già. Tiếng đọc điệu văn của thống soái nghĩa quân Phan Đình Phùng trước sự hy sinh của Cao Thắng ở khe núi Vụ Quang như còn âm vang trong lòng tôi.

Nửa thế kỷ đã đi qua mà những trang sách như còn mới

trình khôi, như tôi vừa đọc hôm qua. Tả quân Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng! Đó là nhờ chữ nghĩa của nhà văn.

Khi tôi có dự định viết bộ phim kể trên thì tôi nhớ hai quyển tiểu thuyết lịch sử kể trên và tôi chợt nhớ hai câu thơ của cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Lịch sử ông cha oanh liệt thế  
Hỏi nay con cháu có ai không?

Làm sao viết nổi bộ phim này? Để ghi lại những trang lịch sử oanh liệt của tiền nhân? Tôi không biết lúc nào thì sẽ thực hành bộ phim, nhất là ở xứ lạ quê người tài liệu xưa rất khó tìm...

Thì may quá, một lần nọ tôi được gặp nhà văn Duy Xuyên. Ông đã ngoài thất thập nhưng thể chất còn rất tráng kiện. Chúng tôi chỉ nói chuyện bình thường, tuy nhiên tôi ghi nhận rằng cụ Duy Xuyên là một người có rất nhiều vốn sống về xã hội lẫn chính trị, đặc biệt, một người kể chuyện hấp dẫn lạ lùng bởi cái duyên dáng và những chi tiết ly kỳ mà tôi phải in ngay vào đầu để dùng về sau.

Cách đó hai năm, tôi bất ngờ gặp lại ông trong một bữa tiệc thân mật ở tại nhà một người đồng hương của tôi.

Trong câu chuyện bàn tròn, ông kể một câu chuyện về thời Cần Vương mà khi nghe xong tôi liền đặt ngay cái tên trong bụng và thoáng có ý định viết thành một truyện ngắn, “**Bữa Tiệc Thịt Chó Dưới Vòm Trời Cần Vương**”.

Về nhà tôi xếp đặt và viết ra ngay nhưng cảm thấy một truyện ngắn thì nhỏ quá... không chứa nổi “bữa tiệc” này. Vì nó không phải là một “bữa tiệc” như mọi người thường thấy, mà là một bữa tiệc lịch sử bất hủ. Giữa thời kỳ khó khăn nghiêng ngửa nhất của nước nhà, người chủ tiệc lại

dùng thịt chó để đãi khách quý.

Giai đoạn này đã được sử sách ghi rành mạch bằng giấy trắng mực đen với tên tuổi của nhân vật và ngày tháng xảy ra. Thật là một bữa tiệc có một không hai trong lịch sử Việt Nam. Không biết ở nước nào có một bữa tiệc thần kỳ, táo bạo và đầy ý nghĩa như thế hay không.

Mới nghe qua thì tưởng chừng đó chỉ là một chuyện hài hước nghe kể qua rồi quên. Nhưng không phải, nó là một tượng trưng cho lòng yêu nước của giới sĩ phu thời bấy giờ. Nó biểu hiện một chí khí hiên ngang bất khuất của giới sĩ phu trong công cuộc chống xâm lăng cứu vua, cứu nước.

Nó là tiếng nói châm biếm, tế nhị nhằm vào những kẻ:

Lúc bình thường dựa bệ ăn lương  
Cơn quốc loạn co đầu rút cổ.

Hoặc tệ hơn nữa, chạy theo kẻ địch để mưu cầu quyền lợi cá nhân, coi nhẹ cương thường trung quân ái quốc của chúng ta. Bữa tiệc tuy cách đây một trăm năm nhưng vẫn còn “nóng hổi” và có lẽ còn hợp khẩu vị của chúng ta. Quyển truyện này lấy không gian là bốn tỉnh lớn của miền Trung: Nam, Ngãi Bình Phú và một số vùng lân cận có liên quan đến đại cuộc cứu nước. Nhưng trọng điểm là vùng Quế Sơn của tỉnh Quảng Nam mà nghĩa quân dùng làm căn cứ chống Pháp và gọi là Thủ Đô của Tân tỉnh.

Quảng Nam được lịch sử xem là một vùng Địa Linh Nhân Kiệt và cũng là nơi được vua tặng cho danh hiệu hoa mỹ là đất “Ngũ Phụng Tê Phi” – đất của năm con phượng hoàng cùng cất cánh, tức là năm danh sĩ của Quảng Nam cùng đỗ tiến sĩ trong một khoa – ngoài ra Quảng Nam còn là quê hương của Hoàng Diệu và Ông Ích Khiêm.

Quyển truyện này lấy nhân vật chính là lãnh tụ Cần Vương Nguyễn Duy Hiệu, tước Hồng Lô Tự Khanh cũng còn gọi là Hường Hiệu. Ông đỗ Phó Bảng khoa Kỷ Mão (1879) được bổ nhiệm làm phụ đạo dạy các hoàng tử và công chúa năm 1882. Ông từ quan năm 1884 với cơ về nuôi mẹ già nhưng để âm thầm lập nghĩa hội chống Pháp. (1885–1887).

Tiệc thay, sau khi cuộc khởi nghĩa của ông bị dập trong biển máu, Con Phượng Hoàng Nguyễn Duy Hiệu bị trúng tên, nhưng trước khi lìa đời, nó giăng đôi cánh mệnh mông chở che cho đồng loại, trùm lấy quê hương và cất tiếng kêu lộng lộng đến ngàn thế hệ sau. Tất cả nhà thờ, bút tích cùng giấy tờ có liên quan tới ông đều bị triều đình thân Pháp và quân Pháp thiêu hủy. Chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn để tìm tài liệu.

May nhờ gặp được cụ Duy Xuyên, hậu duệ bốn đời của Phó Bảng Nguyễn Duy Hiệu đã kể theo gia phả dòng họ Nguyễn và những giai thoại của Hường Hiệu. Ngoài ra, tôi còn được nhà văn Hứa Hoàn cung cấp cho sử liệu vô cùng quý báu.

Xin cảm ơn cụ Duy Xuyên và văn hữu Hứa Hoàn.

Mùa Thu 96  
Xuân Hũ

PHẦN THỨ NHẤT

BỮA TIỆC ĐỘC NHẤT LỊCH SỬ

**T**rống tan canh ở góc Nam Thành vừa dứt thì chiếc thuyền cũng vừa chúi mũi lên bờ Bắc Sông Hương. Một người phu chèo nháy lên kèm mũi thuyền để chủ bước lên. Người chủ mặc áo dài nhiều xanh, mang giày Tây chậm chạp bò ra khỏi mũi thuyền đứng dậy vươn vai ngáp mấy cái dài rồi vịn vai người phu đang khom kèm mũi thuyền, ục ịch bước lên bờ. Ở ngay mũi thuyền đã có sẵn chiếc xe tay để rước khách. Ông khách bước lên xe gieo mình lên băng làm cho chiếc xe run lên kêu ken két. Người phu xe gầy ốm bắt đầu gò lưng kéo. Đó là ông Bếp Tây tên Bá Cứ đi chợ Dinh Bà. Ông Bếp đi mua thực phẩm về nấu nướng cho các quan trong tòa Khâm ở bên bờ Nam.

Ông Bếp đi chợ là một sự hải hùng cho các tiệm quán lớn và cho cả những chị hàng cá hàng rau với vài đồng tiền vốn trong lưng.

Trước đây Cứ chỉ là một tên khố rách áo ôm. Khi quân Pháp đến đòi đội thủy quân của triều Trình nhường đồn Mang Cá cho chúng đóng thì hàng ngày hấn lân la ở cửa thành xin ăn. Bọn lính Tây quăng xuống cho hấn được thứ

gì thì hẳn gặm nuốt món ấy. Riết rồi thành thói quen. Bữa nào hẳn cũng đến. Thấy thế bọn san đá ném cho đồng bạc trắng và bảo hẳn đi mua gà vịt đem về cho chúng. Rồi lại thành một thói quen khác, hẳn trở thành kẻ tiếp tế thực phẩm cho đám lính Tây một cách bán chính thức.

Người Việt ở gần đồn tản đi xa, còn vài xóm nhà lư thưa ở lại thì tỏ vẻ bất hợp tác không bán bất cứ thứ gì cho Tây. Những tên lính mũi lõ không có thịt ăn, đi vào xóm lũng sục, đôi khi bị dân núp đâm chết chuỗi xác xuống sông mấy ngày sau mới vớt được. Dần dà tên Cứ trở thành kẻ tiếp tế thực phẩm công khai cho chúng. Nhờ tiền Tây, đồng bạc còn cò, tên Cứ gian lận trả một đò mười mà làm giàu rồi cũng bằng tiền ấy, hẳn dứt lén, mua luôn chức bá hộ. Và trở thành Bá hộ Cứ nhưng bà con thêm cho hẳn một chữ “T”. Bây giờ ai cũng gọi *thằng Cứ*... chớ bá hộ gì hẳn! Chỉ là một tên bồi Tây, tập tễnh đi giày Tây, học đòi nói dăm ba tiếng Tây... bồi.

Trông kìa, hẳn ngồi trên xe kéo, ngất ngưỡng như một ông quan lớn. Những chị gánh hàng đi chợ Dinh Bà thấy bóng hẳn xuất hiện là rẽ ngang, không đi tới chợ nữa. Những người đã lỡ vào chợ thì mất trông hàng, mất dòm chừng. Để làm hiệu cho nhau, người ta bịt mũi nhắm mắt thì biết là Cứ... tới.

Hẳn cho đỗ xe lại. Càng xe vừa dựng đất thì có mấy tên nha traỏ chạy tới, đưa thì đỡ hẳn bước xuống xe, đưa thì bắm báo:

— Hôm nay hàng thịt thiệt tươi.

Hẳn hạnh hoè.

— Lấy hết cho ta!

— Bắm, con ghi vào sổ rồi, chờ cụ Bá tới trả tiền.

— Cứ chất lên xe chở về cho ta. Tiền để đó, ta tính sau với họ!

Bọn nha traỏ dựa thế cụ Bá, càng làm hung. Thịt cá rau cải của người ta, chúng cứ việc quơ hết. Nhưng cụ Bá có chi xu nào. Ở tại chợ, không nói làm chi. Bọn này còn ruồng vào xóm, “*mua*” bò heo rồi bắt cả chủ đem qua sông “*để quan lớn trả tiền*”. Rốt cuộc heo bò mất, về tay không, chỉ biết khóc. Nhưng tiếng khóc Việt Nam đâu có thấu lỗ tai các quan thuộc địa. Bây giờ đã thành lệ. Bá hộ Cứ ra chợ “*mua*” hàng có nghĩa là cướp giật. Bọn tay chân của hẳn vô xóm cũng có nghĩa là giật cướp.

Bá Hộ Cứ ăn hàng xong định lên xe về thì một tên lâu la chạy tới vừa thở hào hển vừa thưa:

— Bắm cụ Bá, em vừa tìm được một con bò nghé.

— Bắt về đây. Hừ... hừ... các quan lớn thích bò tơ!

— Dạ chủ nó níu kéo, em không dám mạnh tay, sợ bứt dây động rừng.

— Ở xa không?

— Bắm ở phía bên kia dinh Phủ một quãng, nên em sợ lúc dắt bò về ngang tên chủ la khóc sẽ lọt vãi tai quan Phủ.

Bá hộ Cứ vung tay:

— Phủ thì Phủ. Đưa ta đến bắt lấy, xem quan Phủ làm gì nào!

Rồi hẳn bước lên xe. Xe chạy đến nhà có con bò, đỗ lại. Hẳn bước xuống khệnh khạng đi vào, miệng quát vang:

— Ai kêu nài gì, ra đây mà kêu!

Một bác nông dân gầy còm, râu tóc bơ phờ, mắt đỏ hoe, mếu máo:



— Bẩm quan, người ta định cướp con bò nhà tôi.

— Bò của mi, quan cần thịt, quan mượn về mổ thịt, bao nhiêu quan sẽ trả sau!

Nghe tiếng oai vệ, bác nông dân nhìn lên. Thì ra thằng Cừ... thằng ăn cướp Tây mà béo núc ra chớ quan nào! Nhưng nó có Tây bảo bọc, ai chống nó, nó sẽ qui cho tội theo đảng Cần Vương, thì chẳng những mất của mà còn mất cả mạng. Nên bác đành nhún nhường:

— Dạ, bò của tôi để làm mùa, và kéo xe ạ. Ăn thịt nó rồi tôi sống làm sao?

— Cả nhà mày đã chết ngay hết cả đầu mà tru tréo. Ta đã bảo là quan mượn, nghe không?

Rồi hắn vẫy tay. Hai tên nha traỏ đến bên gốc cau, mở dây dắt con bò. Bác nông dân chạy theo giật sợi dây bị chúng đạp ngã lăn rồi thản nhiên dẫn bò đi. Cả nhà ùa ra hò hét van xin, nhưng chúng cứ theo lệnh chủ lôi con bò ra đường. Bác nông dân lóc thốc chạy theo kêu gào lạc giọng rồi ngã quỵ. Tên bá hộ thản nhiên ngồi trên xe lăn chậm chậm cản hậu như muốn ngăn không cho những người trong gia đình giật con bò lại.

Bỗng thành linh từ đâu không biết, ba người lính Phủ xuất hiện trước đầu bò. Một người dừng lại. Bá hộ Cừ khoát tay ra lệnh cho đám tay chân cứ dắt bò đi. Nhưng một người lính giơ đoản đao lên đồng thời người kia đưa lệnh bài ra.

Thấy tấm lệnh bài của quan Phủ, bá hộ Cừ hậm hực bước xuống xe. Xưa nay vùng này ai dám chẳng tuân lệnh ta. Nay lại có người cả gan ngăn cản. Dù là quan Phủ hay quan gì cũng không thể làm cho các quan bảo hộ mất ăn thịt bò. Bá hộ Cừ bước tới hất hàm:

— Các người là lính nào mà dám làm chậm trễ công việc của Tòa Khâm?

— Chúng tôi là lính Phủ. Cụ Phủ có lệnh ngăn ngài lại.

— Tại sao?

— Và mời ngài đưa tay cho trói dắt vào hầu quan Phủ. Bá hộ Cừ hơi run nhưng còn cương lý:

— Ta bận việc quan, ta không có thì giờ. Ta... a... không đi đâu hết.

Bỗng từ đằng kia xuất hiện một chiếc cáng. Quan Phủ bất ngờ đi đến trong lúc bá hộ Cừ chưa biết phải ăn nói như thế nào thì một tên nha traỏ của hắn vội vã lột chiếc áo dài để lòi ra bộ áo Tây bên trong. Ý hắn muốn bắm cùng quan Phủ rằng đây là “*người của Tây*” chớ không phải người thường. Nhưng quan Phủ vẫy tay:

— Lôi hắn ra bờ sông chờ ta ra trị tội! Còn mấy tên kia, dắt con bò trả ngay cho chủ.

Khi quan Khâm Sứ Tây đến nơi thì tên bá Hộ Cừ đã rơi đầu. Không ai ngờ quan Phủ Doãn dám hạ lệnh chém một “*ông*” bồi Tây ngay trước mũi các quan Tây.

Quan Phủ Doãn Đào Tấn đã làm một chuyện phi thường. Ông ngồi Phủ này đã lâu, nổi tiếng thanh liêm chính trực. Quan Phủ vừa chặn dân vừa dạy dân bằng những vở tuồng do chính ông soạn ra. Người dân Phủ Thừa không ai là không thuộc một vài đoạn thơ văn trong các tuồng của ngài.

Ngày quân Pháp đem quân nghênh ngang chiếm đóng đồn Mang Cá vốn là căn cứ hải quân của triều đình ta, quan phủ tiền nhiệm đã xin từ quan, triều đình biết đây là giai đoạn khó khăn phức tạp, nên đã bổ nhiệm ngài giữ chức Phủ Doãn Phủ Thừa Thiên.

Trước sự nghênh ngang của quân Pháp, triều đình ta sợ mất lòng nhà nước bảo hộ nên luôn luôn xử nhũn, có nghĩa là lùi bước. Những vụ lính Tây hà hiếp dân chúng, triều đình, thay vì chống đối quan Tây, lại nhắm mắt làm ngơ. Nhiều vị quan cương trực lên tiếng thì bị cảnh cáo, thậm chí mất chức. Do đó, nước ta dân ta mà người Pháp cai trị trong khi triều đình ta còn sờ sờ ra đó.

Nhìn cái xác tên bồi cụt đầu, mình còn khoác đồ Tây, viên khâm sứ tỏ vẻ vừa bất bình vừa hoảng hốt. Hắn nói:

— Anh ta là người của chúng tôi, nếu anh ta có tội, sao quan Phủ không hội thương với chúng tôi mà lại chém đi?

Quan Phủ bảo nha lệ đưa cả xấp hồ sơ về những lần cướp giết của tên bồi Tây này ra cho viên khâm sứ xem. Thật quá nhiều. Chém đầu là phải! Quan Phủ nói:

— Một tên cướp như thế này mà không trị tội thì tôi chần chừ sao được? Đứng vào địa vị của tôi, chắc ngài cũng làm như tôi thôi, thưa ngài khâm sứ!

Viên khâm sứ quệt ngang cái mũi đỏ lựng rồi tiếp:

— Rất tiếc quan Phủ không báo qua cho chúng tôi một lời. Như vậy sự bảo hộ của chúng tôi mất đi nhiều ý nghĩa.

Quan Phủ vẫn bình thản:

— Nếu một trăm người làm việc cho Bảo Hộ đều như tên này cả thì dân chúng trong cái phủ này sẽ ra sao? Tòa khâm có luật nào dung dưỡng những tên ăn cướp của dân chúng không? Hắn là người Việt Nam sống trên đất Việt Nam thì sao tôi không có quyền xử hắn mà phải hội thương với Bảo Hộ?

Tên khâm sứ đành nín lặng. Nhưng quan Phủ vẫn chưa ngưng. Ông tiếp tục dẫn chứng tất cả các hòa ước của Nam

Triều ký với nước Pháp, ông vanh vách nêu ra từng điều khoản một của từng hòa ước, kể cả hòa ước Pâ-tơ-nốt 1884 vừa mới ký còn chưa khô mực và kết luận:

— Có khoản nào nói rằng quan chức Việt Nam xử trị tội nhân mà phải trình qua tòa khâm sứ đâu, thưa ngài Khâm.

Viên khâm sứ chậm chạp đưa tay lên vờ rìa mép. Quan Phủ lễ độ chào hấn rồi lên cang ra về.

Mãi đến trưa mới có chiếc xe bò cọt két đến, trên xe một mớ rơm. Hai người đàn ông mở cái xác cụt đầu ra khỏi trụ tre bỏ lên xe rồi nhặt chiếc thủ cấp cho vào chiếc thùng cạc-tông bỏ lên xe bên cạnh cái thân hình béo núc còn mặc bộ đồ Tây trắng be bét máu. Chiếc xe chậm chạp lăn. Hai bánh xe vạch hai lần sâu nghiêng trong lúc máu từ cái cổ vẫn rỉ xuống vẽ một đường dài trên cát nâu trước những cặp mắt vừa kinh ngạc vừa hả hê của người dân Phủ Thừa.